

Câu 1. Trong các phương trình sau, phương trình nào **không phải** là phương trình đường tròn?

A. $x^2 + y^2 - 9 = 0$.

B. $x^2 + y^2 - 2x - 9 = 0$.

C. $2x^2 + y^2 - 2x + 4y - 4 = 0$.

D. $x^2 + y^2 - 2y - 9 = 0$.

Câu 2. Trong các phương trình sau, phương trình nào là phương trình đường tròn?

A. $x^2 + y^2 + 9 = 0$.

B. $x^2 + y^2 - 2x + 6y + 10 = 0$.

C. $x^2 + 2y^2 - 4x + 2y - 4 = 0$.

D. $x^2 + y^2 - 2y + 6y - 10 = 0$.

Câu 3. Đường tròn $x^2 + y^2 - 12y - 6y + 44 = 0$ có bán kính là

A. 1.

B. 2.

C. 4.

D. 9.

Câu 4. Tâm và bán kính của đường tròn $(x - 4)^2 + (y + 2)^2 = 25$ là

A. $I(4; 2), R = 5$.

B. $I(4; -2), R = 25$.

C. $I(4; -2), R = 5$.

D. $I(-4; 2), R = 5$.

Câu 5. Cho đường tròn $(C): x^2 + y^2 + 2x + 4y - 20 = 0$. Mệnh đề nào **SAI** ?:

A. (C) có tâm $I(1; 2)$.

B. (C) có bán kính $R = 5$.

C. (C) đi qua $M(2; 2)$.

D. (C) không đi qua $A(1; 1)$.

Câu 6. Đường tròn $x^2 + y^2 - 2x + 4y + 1 = 0$ tọa độ tâm và bán kính là

A. $I(-1; 2), R = 4$.

B. $I(1; -2), R = 4$.

C. $I(1; -2), R = 2$.

D. $I(-1; 2), R = 2$.

Câu 7. Phương trình đường tròn có tâm $I(2; -3)$ và bán kính bằng $R = 1$ là:

A. $(x + 2)^2 + (y - 3)^2 = 1$.

B. $(x + 2)^2 + (y + 3)^2 = 1$.

C. $(x - 2)^2 + (y - 3)^2 = 1$.

D. $(x - 2)^2 + (y + 3)^2 = 1$.

Câu 8. Cho $A(-1; 1); B(5; 7)$. Phương trình đường tròn đường kính AB là

A. $(x - 5)^2 + (y - 7)^2 = 18$.

B. $(x + 2)^2 + (y - 4)^2 = 18$.

C. $(x - 2)^2 + (y - 4)^2 = 18$.

D. $(x + 1)^2 + (y - 1)^2 = 18$.

Câu 9. Một đường tròn có tâm $O(0 ; 0)$ và tiếp xúc đường thẳng $3x + 4y - 5 = 0$ có phương trình là

A. $x^2 + y^2 = 10$.

B. $x^2 + y^2 = 25$.

C. $x^2 + y^2 = 1$.

D. $x^2 + y^2 = 5$.

Câu 10. Lập phương trình đường tròn có tâm $I(-2 ; 1)$ và tiếp xúc đường thẳng (d): $2x - y - 5 = 0$

A. $(x + 2)^2 + (y - 1)^2 = 10$.

B. $(x + 2)^2 + (y - 1)^2 = 20$.

C. $(x + 2)^2 + (y - 1)^2 = 30$.

D. $(x + 2)^2 + (y - 1)^2 = 40$.